

MỘT SỐ Ý KIẾN VỀ THẨM QUYỀN KHÁNG NGHỊ THEO THỦ TỤC GIÁM ĐỐC THẨM

ThS. PHAN THỊ THANH MAI*

Theo quy định của BLTTHS năm 2003, những người có thẩm quyền kháng nghị giám đốc thẩm là chánh án Toà án nhân dân tối cao; viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; chánh án Toà án quân sự trung ương; viện trưởng Viện kiểm sát quân sự trung ương; chánh án toà án nhân dân cấp tỉnh và chánh án toà án quân sự cấp quân khu. Quy định về chủ thể có quyền kháng nghị giám đốc thẩm là vấn đề được các nhà khoa học pháp lí quan tâm và có nhiều ý kiến khác nhau về vấn đề này:

- *Quan điểm thứ nhất:* Quy định chánh án tòa án và viện trưởng viện kiểm sát có thẩm quyền kháng nghị giám đốc thẩm là hợp lí và đáp ứng yêu cầu thực tiễn kháng nghị giám đốc thẩm hình sự.⁽¹⁾

- *Quan điểm thứ hai:* Không nên quy định viện trưởng viện kiểm sát có quyền kháng nghị tái thẩm vì xu hướng trong tương lai, viện kiểm sát chỉ thực hiện chức năng công tố mà không thực hiện chức năng kiểm sát nên không có điều kiện phát hiện vi phạm pháp luật trong việc xử lí vụ án.

- *Quan điểm thứ ba:* Không nên quy định chánh án tòa án có quyền kháng nghị giám đốc thẩm để đảm bảo sự chế ước giữa tòa án và viện kiểm sát và để đảm bảo việc giám đốc thẩm được khách quan.⁽²⁾

Theo chúng tôi, các quan điểm nêu trên đều có những yếu tố hợp lí.

Quan điểm thứ nhất phù hợp với thực tiễn giám đốc thẩm hiện nay, khi mà chánh

án tòa án và viện trưởng viện kiểm sát đang thực hiện có hiệu quả quyền kháng nghị giám đốc thẩm.

Quan điểm thứ hai tuy không phải quan điểm phổ biến nhưng chúng tôi thấy cần phải cân nhắc, xem xét kĩ về mặt lí luận. Theo quan điểm này, nếu thành lập viện công tố và quy định viện công tố không thực hiện chức năng kiểm sát (theo cách hiểu truyền thống) thì viện công tố khó có điều kiện để kháng nghị giám đốc thẩm. Tuy nhiên, Nghị quyết số 48 của Bộ chính trị về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 ngày 24/5/2005 vẫn xác định "*hoàn thiện pháp luật về tổ chức và hoạt động của viện kiểm sát nhân dân theo hướng bảo đảm thực hiện tốt chức năng công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp*" và định hướng nghiên cứu hướng tới chuyển thành viện công tố. Hơn nữa, khái niệm quyền công tố được hiểu như thế nào và được luật định như thế nào còn tùy thuộc vào quan điểm pháp lí của những nhà làm luật trong từng giai đoạn lịch sử khác nhau. Hiện nay, Luật tổ chức viện kiểm sát nhân dân 2002 khi quy định về quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm không quy định trong phần thực hành quyền công tố, không quy định trong phần thực hiện công tác kiểm sát xét

* Giảng viên chính Khoa luật hình sự Trường Đại học Luật Hà Nội

xử mà xác định chung đó là việc thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử.⁽³⁾ Mặt khác, ở các nước có cơ quan viện công tố thì viện công tố ở các nước đó cũng vẫn thực hiện việc kháng nghị giám đốc thẩm, thậm chí đó là chủ thể duy nhất có quyền kháng nghị giám đốc thẩm như Nhật Bản (Điều 454 BLTTHS Nhật Bản năm 1991), Hàn Quốc (Điều 441 BLTTHS Hàn Quốc năm 1995), Pháp (Điều 620 BLTTHS Pháp năm 1996), Liên bang Nga (Điều 402 BLTTHS Liên bang Nga năm 2002).⁽⁴⁾ Điều 31 BLTTHS Pháp quy định: "*Viện công tố thực hiện quyền công tố và yêu cầu áp dụng pháp luật*" và một trong những chức năng của viện công tố Pháp là phản kháng các bản án hoặc quyết định của tòa án trong đó có quyền kháng án theo thủ tục phá án (giám đốc thẩm).⁽⁵⁾ Vì vậy, theo chúng tôi dù trong tương lai có thành lập viện công tố thay cho viện kiểm sát thì viện công tố vẫn phải có chức năng kháng nghị nói chung cũng như kháng nghị giám đốc thẩm nói riêng. Viện công tố là người đại diện cho Nhà nước, cho lợi ích chung của xã hội, việc kháng nghị yêu cầu tòa án xét lại một bản án sai chính là nhằm bảo vệ lợi ích Nhà nước, lợi ích chung của xã hội.

Quan điểm thứ ba cho rằng không nên quy định tòa án có quyền kháng nghị giám đốc thẩm và chỉ quy định viện kiểm sát có quyền kháng nghị giám đốc thẩm chú trọng đến tính nguyên tắc trong tố tụng hình sự. Theo PGS.TS. Phạm Hồng Hải, "*việc chánh án kháng nghị quyết định bản án của tòa án cấp dưới theo bất kì thủ tục nào cũng đều là bất hợp lí, bởi lẽ trong trường hợp này, kháng nghị không còn ý nghĩa thể hiện sự chế ước trong tố tụng hình sự nữa*".⁽⁶⁾ Chúng tôi cho rằng

quan điểm này là hợp lí và xin bổ sung thêm ý kiến để làm rõ hơn vấn đề này như sau:

- Việc quy định chỉ có viện kiểm sát có quyền kháng nghị giám đốc thẩm là để đảm bảo quan hệ chế ước giữa tòa án và viện kiểm sát. Về vấn đề tòa án có được tự mình phát động tố tụng hay không, ông Jean Louis Gillet, chánh án Tòa phúc thẩm Rouen Cộng hòa Pháp tại Hội thảo "*Pháp luật về tổ chức tòa án, quản lí tòa án, quản lí thẩm phán và cán bộ tòa án*" tháng 2 năm 2001 tại Nhà pháp luật Việt - Pháp đã phát biểu: Tòa án không phải là cơ quan mang tính tự động và không thể tổ chức hoạt động một cách võ đoán. Vì tòa án xét xử độc lập, không phụ thuộc vào bất cứ cơ quan nhà nước nào nên tòa án không được ôm đồm tất cả. Một vấn đề mang tính nguyên tắc đã được thừa nhận chung đó là thẩm phán chỉ giải quyết vụ việc khi có cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền yêu cầu mà không được chủ động phát động giải quyết vụ án.⁽⁷⁾ Việc tòa án cấp giám đốc kháng nghị rồi lại tự mình xét lại vụ án chắc chắn sẽ khó đảm bảo tính khách quan và dẫn đến việc viện kiểm sát tham gia phiên tòa giám đốc thẩm rất dễ trở nên mang tính hình thức. Viện kiểm sát tham gia không phải để bảo vệ quan điểm của mình nên có thể chỉ như là "quan sát viên" mà không trở thành một đối trọng cần thiết đối với tòa án;

- Mặc dù giám đốc thẩm là một hình thức giám đốc xét xử của tòa án cấp trên với hoạt động xét xử của tòa án cấp dưới và tòa án cấp trên có đầy đủ điều kiện để phát hiện vi phạm pháp luật trong hoạt động xét xử của tòa án cấp dưới. Tuy nhiên, thủ tục giám đốc thẩm được tiến hành theo thủ tục tố tụng hình sự mà không phải là hoạt động mang

tính hành chính. Vì vậy, để đảm bảo sự chế ước trong hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng theo nguyên tắc chung, để phân biệt thủ tục giám đốc thẩm với các hoạt động giám đốc xét xử có tính hành chính khác của toà án, không nên quy định toà án có quyền kháng nghị giám đốc thẩm;

- Việc quy định viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo chúng tôi là cần thiết. Khi bản án hoặc quyết định của toà án có hiệu lực pháp luật bị phát hiện là có vi phạm pháp luật nghiêm trọng thì bản án hoặc quyết định đó phải được toà án phải xét lại. Viện kiểm sát thay mặt Nhà nước có quyền yêu cầu toà án xét xử thì họ cũng có quyền thay mặt Nhà nước để phản kháng lại bản án hoặc quyết định của toà án, kể cả khi bản án hoặc quyết định đó đã có hiệu lực pháp luật. Mặc dù giám đốc thẩm không phải là hoạt động xét xử và viện kiểm sát không thực hiện việc buộc tội bị cáo nhưng với mục đích nhằm bảo vệ pháp luật của Nhà nước, bảo vệ pháp chế, việc viện kiểm sát kháng nghị giám đốc thẩm cũng là việc có tính chất công. Viện kiểm sát thay mặt Nhà nước đứng ra yêu cầu toà án xét lại những bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật phát hiện có vi phạm pháp luật nghiêm trọng và yêu cầu toà án phải hủy những bản án và quyết định trái pháp luật nhằm bảo vệ lợi ích chung của xã hội cũng như quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kết án và những người khác có quyền và nghĩa vụ pháp lí liên quan trong vụ án.

- Việc quy định chỉ có viện kiểm sát kháng nghị giám đốc thẩm là có tính khả thi. Hiện nay, có ý kiến cho rằng toà án thực hiện quyền kháng nghị giám đốc thẩm có hiệu quả hơn viện kiểm sát cả về số lượng và chất

lượng. Tuy nhiên, qua theo dõi số liệu thống kê của Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong 5 năm (2001- 2005) cho thấy tỉ lệ kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm của viện kiểm sát là 891/1513 vụ, chiếm 58,98%, nhiều hơn tỉ lệ kháng nghị của toà án (toà án kháng nghị 622/1513 vụ). Trong thực tiễn áp dụng quy định về kháng nghị giám đốc thẩm, có những viện kiểm sát tỉnh đã thực hiện rất tốt việc kháng nghị giám đốc thẩm. Trong 5 năm (2000 - 2004), Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình kháng nghị 5/7 vụ giám đốc thẩm hình sự, đạt 71,43%; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận kháng nghị 9/11 vụ, đạt 81,82%; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh, trong 9 năm từ 1996 đến 2004 kháng nghị 36/39 vụ, chiếm 92,30% tổng số vụ kháng nghị giám đốc thẩm, đặc biệt trong 5 năm từ 1996 đến 2000 kháng nghị 100% trên tổng số vụ toà án tỉnh thụ lí giám đốc thẩm. Trong 9 năm toà án chỉ kháng nghị 3/39 vụ đạt 7,7% số vụ giám đốc thẩm.

Về phía toà án, theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam, quan hệ giữa toà án và viện kiểm sát không chỉ là quan hệ có tính chất chế ước mà còn có tính chất phối hợp vì mục đích chung là đấu tranh phòng và chống tội phạm, bảo vệ lợi ích Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Cho nên, theo chúng tôi toà án vẫn thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát việc xét xử của toà án cấp dưới nhưng khi phát hiện có vi phạm pháp luật trong bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật, toà án thông báo cho viện kiểm sát để viện kiểm sát kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm. Đồng thời toà án phải có trách nhiệm phối hợp với viện kiểm sát trong việc cung cấp hồ sơ khi viện kiểm sát yêu

cầu, tạo điều kiện thuận lợi cho viện kiểm sát trong việc thực hiện quyền kháng nghị.

Theo số liệu thống kê của Cục thống kê Viện kiểm sát nhân dân tối cao từ năm 2001 đến 2005, trong tổng số 1786 vụ toà án đã thụ lý để giám đốc thẩm thì số lượng án thụ lý để giải quyết ở cấp tỉnh là 937 vụ, chiếm khoảng 52,46% tổng số án giám đốc thẩm mà toà án đã thụ lý; Toà án nhân dân tối cao thụ lý giải quyết là 849 vụ, chiếm 47,54%. Nếu thực hiện quy định theo hướng không quy định thẩm quyền giám đốc thẩm ở cấp tỉnh thì án giám đốc thẩm mà Toà án nhân dân tối cao phải giải quyết sẽ tăng khoảng gấp đôi so với hiện nay và số lượng án mà viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao và viện trưởng Viện kiểm sát quân sự trung ương phải kháng nghị giám đốc thẩm sẽ tăng khoảng gấp bốn. Nếu như vẫn giữ các quy định khác như luật hiện hành thì việc hạn chế thẩm quyền giám đốc thẩm chỉ do viện kiểm sát tiến hành sẽ rất khó thực hiện. Tuy nhiên, chúng tôi đề xuất kiến nghị này trong tổng thể những kiến nghị khác theo hướng hạn chế việc giám đốc thẩm cũng như trên cơ sở đường lối của Đảng và Nhà nước về việc tổ chức lại hệ thống toà án theo cấp xét xử nên kiến nghị này là có thể thực hiện được trên cơ sở thực hiện những sửa đổi đồng bộ những quy định về giám đốc thẩm hình sự.

Một là: Theo quy định của BLTTHS 2003, chỉ những vi phạm pháp luật nghiêm trọng mới là căn cứ kháng nghị giám đốc thẩm. BLTTHS 1988 không quy định rõ mà chỉ xác định đó là những vi phạm pháp luật. Trong thực tiễn giám đốc thẩm những năm trước khi có BLTTHS 2003 cho thấy có nhiều trường hợp bản án hoặc quyết định có hiệu

lực pháp luật bị kháng nghị và kháng nghị đã phát hiện vi phạm pháp luật nhưng toà án vẫn giữ nguyên bản án hoặc quyết định để rút kinh nghiệm vì lí do vi phạm pháp luật không nghiêm trọng. Việc quy định rõ ràng trong luật và sự nhận thức đúng hơn về căn cứ kháng nghị của các chủ thể kháng nghị là một trong những lí do quan trọng làm số lượng các vụ án phải giám đốc thẩm giảm từ năm 2003 và giảm mạnh trong năm 2004 và 2005. Có thể thấy rõ tình hình này qua số liệu thống kê của Viện kiểm sát nhân dân tối cao về số vụ án và số bị cáo mà toà án cấp giám đốc thẩm đã thụ lý trong 5 năm 2001 - 2005 như sau: Năm 2001: 386 vụ/484 bị cáo; năm 2002: 474 vụ/494 bị cáo; năm 2003: 290 vụ/412 bị cáo; năm 2004: 238 vụ/ 272 bị cáo; năm 2005: 213 vụ/ 310 bị cáo. Như vậy, số lượng án giám đốc thẩm hình sự năm 2005 chỉ còn bằng 55,19%, giảm 44,81% so với số lượng án giám đốc thẩm hình sự năm 2001.

Hà là: Nếu theo hướng chỉ coi những vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong hoạt động xét xử của toà án là căn cứ để kháng nghị giám đốc thẩm và không coi những vi phạm pháp luật trong giai đoạn điều tra, truy tố là căn cứ kháng nghị giám đốc thẩm thì số lượng án phải kháng nghị giám đốc thẩm cũng giảm được một số lượng đáng kể. Việc các cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện đúng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở các giai đoạn điều tra, truy tố và xét xử; phát hiện những vi phạm pháp luật trong việc giải quyết vụ án ở giai đoạn trước và khắc phục kịp thời những vi phạm đó là một lí do quan trọng để hạn chế các bản án và quyết định của toà án đã có hiệu lực pháp luật phải xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm.

Ba là: Theo quy định tại Điều 170 BLTTHS năm 2003, thẩm quyền xét xử sơ thẩm đã được mở rộng. Điều đó đồng nghĩa với việc mở rộng thẩm quyền của viện kiểm sát cấp huyện. Số lượng vụ án mà viện kiểm sát cấp huyện có trách nhiệm phải thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử tăng lên dẫn đến việc số lượng các vụ án mà viện kiểm sát cấp huyện có quyền kháng nghị phúc thẩm tăng lên. Việc mở rộng thẩm quyền kháng nghị cho viện kiểm sát cấp huyện cũng như việc tăng cường công tác kháng nghị phúc thẩm sẽ là nguyên nhân quan trọng làm giảm số lượng án phải kháng nghị giám đốc thẩm. Nếu làm tốt công tác kháng nghị phúc thẩm thì số lượng án sơ thẩm bị kháng nghị giám đốc thẩm sẽ được hạn chế. Trong thực tế hiện nay có tình trạng do khi viện kiểm sát phát hiện vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong việc xét xử sơ thẩm thì đã hết thời hạn kháng nghị phúc thẩm nên viện kiểm sát chuyển sang kháng nghị giám đốc thẩm. Cần phải có biện pháp tăng cường trách nhiệm của các viện kiểm sát cấp dưới để các viện kiểm sát hoàn thành tốt trách nhiệm của mình, tránh tình trạng dồn đẩy lên cấp trên. Nếu theo tinh thần của Nghị quyết 49 của Bộ chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, hệ thống toà án được tổ chức theo thẩm quyền xét xử thì kiến nghị này càng có điều kiện thực hiện hơn.

Ngoài những lí do đã nêu trên, những giải pháp hợp lí về tổ chức thực hiện và công tác cán bộ cũng sẽ là điều kiện đảm bảo cho việc thực hiện kiến nghị về thẩm quyền kháng nghị giám đốc thẩm theo thủ tục tố tụng hình sự theo hướng chỉ có viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao và viện

trưởng Viện kiểm sát quân sự trung ương có quyền kháng nghị.

Từ những phân tích trên, chúng tôi đề nghị hoàn thiện Điều 275 BLTTHS 2003 về thẩm quyền kháng nghị giám đốc thẩm theo hướng: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao có quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật của toà án các cấp, trừ quyết định của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao. Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự trung ương có quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật của toà án quân sự cấp dưới./.

(1).Xem: Nguyễn Văn Trọng (1996), "*Về chủ thể của quyền kháng nghị và việc bổ sung, rút kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tòa án nhân dân*", (11), tr.11.

(2).Xem: Phạm Hồng Hải (2003), "*Mô hình lí luận Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam*", Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, tr. 205; Mai Anh (1999), "*thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm và thẩm quyền giám đốc thẩm về hình sự của tòa án*", Luật học, Hà Nội, tr. 36.

(3).Xem Điều 19 Luật tổ chức viện kiểm sát nhân dân 2002.

(4). BLTTHS Nhật Bản năm 1991, Bản dịch tiếng Việt của Viện kiểm sát nhân dân tối cao năm 1993, tr. 74; BLTTHS Hàn Quốc năm 1995, Bản dịch tiếng Việt của Viện kiểm sát nhân dân tối cao năm 1998, tr. 100; BLTTHS Pháp năm 1996, Bản dịch tiếng Việt của Nhà pháp luật Việt Pháp năm 1998, tr. 259; BLTTHS Liên bang Nga năm 2001, Bản dịch tiếng Việt của Viện kiểm sát nhân dân tối cao năm 2002, tr. 167.

(5). Gaston Stefani, Georges Levaseur, Bernard Bouloc, "*Procédure pénale*" (2004), Nxb. Dalloz. tr. 939

(6). Phạm Hồng Hải (2003), "*Mô hình lí luận Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam*" (2003), Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, tr.205.

(7). Nhà pháp luật Việt - Pháp (2001), tài liệu hội thảo "*Pháp luật về tổ chức tòa án, quản lí tòa án, quản lí thẩm phán và cán bộ tòa án*", Hà Nội, tr. 13.